

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 343/2020/QĐDS-PT
Ngày: 18/5/2020
V/v Tuyên bố một người mất tích.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang
Bà Lê Thị Hoàng Hoa

Thư ký phiên họp: Ông Chu Minh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông
Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 583/2019/DS - PT ngày 05 tháng 12 năm 2019, về việc yêu cầu “Tuyên bố một người mất tích”, theo Quyết định mở phiên họp số 2115/2020/QĐ - PT ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Quyết định giải quyết việc dân sự số 442/2019/QĐST-DS ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, bị kháng cáo.

Người yêu cầu: Ông **V**, sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: 123/6A Đường Đ1, Phường P1, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị yêu cầu: Bà **Th**, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú cuối cùng: 52/7 Đường Đ2 (số mới 198/39 Đường Đ3), Phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Th**, sinh năm 1957, có mặt.

2. Bà **R**, có mặt.

Cùng địa chỉ: Căn nhà không số nằm kề bên phải căn nhà số 101/77/13 Đường Đ4 Tổ T1, Ấp A1, xã X1, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh – đứng từ Đường Đ4 nhìn vào.

Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự do Người yêu cầu - ông **V** kháng cáo.

NỘI DUNG YÊU CẦU VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu - ông V trình bày:

Ông và bà Th kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường P3, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đến ngày 13/6/2016, bà Th bỏ về nhà cha mẹ ruột sống tại địa chỉ số 52/7 đường Đường Đ2, Phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông bà có 01 (một) con chung tên V1.

Cha mẹ ruột của bà Th là ông Th và bà R.

Từ năm 2016 cho đến nay, bà Th đi du học tại Canada. Ông đã tìm mọi cách để liên lạc với bà Th nhưng không có thông tin về địa chỉ nơi cư trú của bà. Ông nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Th mất tích, mục đích để ông làm thủ tục ly hôn với bà Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Th bà R trình bày: bà Th là con gái của ông bà. Năm 2016, bà Th được Công ty L có trụ sở tại số 03 đường Đ5, Phường P4, quận Q4, Thành phố Hồ Chí Minh cử đi học tại đất nước Canada. Trước khi đi du học, bà Th cư trú tại địa chỉ số 52/7 đường Đường Đ2 (số mới 198/39 đường Đ6), Phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 8/2018, bà Th có về Việt Nam 02 tuần và trở lại Canada cùng thời gian trên. Hiện nay, ông bà vẫn còn liên lạc với bà Th. Do đó, ông bà không đồng ý đối với yêu cầu của ông V về việc tuyên bố bà Th mất tích.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Q1 nhận định: Căn cứ Bộ Luật tố tụng dân sự và Điều 68 Bộ Luật Dân sự năm 2015, không có chứng cứ thể hiện bà Th biệt tích 02 năm liền trở lên nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông V.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 442/2019/QĐST-DS ngày 08/10/2019, về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích, của Tòa án nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định :

Căn cứ Điều 149, 361, 367, 371, 372 và Điều 389 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 68 Bộ Luật dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc yêu cầu tuyên bố bà Th, sinh năm 1987, địa chỉ cư trú số 52/7 đường Đường Đ2 (số mới: 198/39 đường Đ3), Phường P2, quận Q1, mất tích.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông V phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền ông V đã nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu số AA/2018/0000487, ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Q1. Ông V đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Ngoài ra, Quyết định nêu rõ thời hạn kháng cáo của đương sự và thời hạn kháng nghị của Viện Kiểm sát đối với Quyết định.

Ngày 17/10/2019, ông V nộp đơn kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự số 442/2009/QĐST DS ngày 08/10/2019, về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích, của Tòa án nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông cho rằng: bà Th đã xuất cảnh sang CANADA và đã lấy chồng, gia đình bên vợ không cung cấp địa chỉ của bà Th cho ông. Tại địa chỉ cư trú số 52/7 đường Đường Đ2 (số mới: 198/39 đường Đ3), Phường P2, quận Q1, gia đình bên vợ đã bán cách đây 03 năm. Công an khu vực xác nhận bà Th không còn ở tại 52/7 đường Đường Đ2 (số mới: 198/39 đường Đ3), Phường P2, quận Q1. Ông đã kiến nghị Tòa án nhân dân quận Q1 thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích và đã đăng báo, đài của TW 03 kỳ liên tiếp nhưng không có tin tức xác thực về bà Th còn sống hay đã chết. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu của ông về việc tuyên bố bà Th mất tích.

Tại phiên họp phúc thẩm:

- Người yêu cầu – ông V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với Quyết định giải quyết việc dân sự số 442/2019/QĐST DS ngày 08/10/2019, về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích, của Tòa án nhân dân quận Q1. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại Quyết định nêu trên, tuyên bố bà Th mất tích. Ngoài ra, ông đã xuất trình một số hình ảnh cho rằng đây là ảnh cưới của bà Th ở nước ngoài mà ông đã lấy từ Facebook.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Th, bà R là cha mẹ của bà Th trình bày không đồng ý yêu cầu của ông V về việc tuyên bố bà Th mất tích, cho rằng con của ông bà là bà Th không mất tích, hiện đang đi du học ở CANADA và vẫn thường xuyên liên lạc với ông bà qua điện thoại. Ông bà thừa nhận hình ảnh cô dâu trong ảnh cưới do ông V xuất trình tại tòa là ảnh của bà Th.

- Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm đúng quy định tại Điều 270 Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ việc: Tòa án có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện Kiểm Sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ việc đúng quy định tại Điều 285 Bộ Luật tố tụng dân sự. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc đã ban hành Quyết định mở phiên họp phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 373 Bộ Luật tố tụng dân sự. Hồ sơ vụ việc đã chuyển cho Viện Kiểm Sát cùng cấp nghiên cứu theo quy định tại Điều 373 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: ông V kháng cáo toàn bộ Quyết định số 442/2019/QĐST DS ngày 08/10/2019, ông cho rằng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục (xác nhận của Công an khu vực bà Th không còn ở địa chỉ thường trú cuối cùng số 52/7 đường Đường Đ2 (số mới: 198/39 đường Đ3), Phường P2, quận Q1; Thông báo tìm kiếm, đăng báo ngày của TW 3 kỳ liên tiếp và đài truyền hình TW 3 kỳ liên tiếp nhưng Tòa án không căn cứ vào tài liệu chứng cứ đó để tuyên bố bà Th mất tích để ông tiến hành thủ tục ly hôn bà Th.

Căn cứ vào lời khai của đương sự, cũng như tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, có cơ sở xác định bà Th đi Canada du học từ năm 2016. Theo danh sách xuất nhập cảnh của Công an Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp, bà Th nhập cảnh vào Việt Nam ngày 22/11/2017, xuất cảnh ngày 19/12/2017 nên không thể kết luận bà Th biệt tích 02 năm tính đến ngày mở phiên họp. Ngoài ra, ông Th và bà R là bố mẹ của bà Th khai ông bà vẫn thường xuyên liên lạc với bà Th. Căn cứ Điều 68 Bộ Luật Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Q1 tuyên bố không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc tuyên bố bà Th mất tích là đúng theo quy định. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 314 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V; Giữ nguyên Quyết định giải quyết việc dân sự số 442/2019/QĐST DS ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Q1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông V khai: Từ năm 2016 cho đến nay, Bà Th (vợ ông) đi du học tại CANADA. Ông đã tìm mọi cách để liên lạc với bà Th nhưng không có thông tin về địa chỉ nơi cư trú của bà. Ông nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Th mất tích, mục đích để ông làm thủ tục ly hôn với bà Th.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Th và bà R trình bày: bà Th là con gái của ông bà. Năm 2016, bà Th được Công ty L cử đi học tại đất

nước CANADA. Tháng 8/2018, bà Th có về Việt Nam 02 tuần. Hiện nay, ông bà vẫn còn liên lạc với bà Th. Do đó, ông bà không đồng ý đối với yêu cầu của ông V về việc tuyên bố bà Th mất tích.

[3] Hội đồng phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Căn cứ xác nhận ngày 03/4/2019 của Công an Phường P2, quận Q4: bà Th có hộ khẩu thường trú tại 52/7 đường Đường Đ2, Phường P2, quận Q1 (số mới 198/39 đường Đ6 Phường P2, quận Q1). Gia đình đã bán nhà từ năm 2016, hiện còn hộ khẩu, chưa rõ địa chỉ nơi đến.

[3.2] Căn cứ danh sách khách xuất nhập cảnh do Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công An Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp ngày 25/9/2019, nội dung thể hiện: Bà Th xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay Tân Sơn Nhất vào ngày 22/08/2016; nhập cảnh qua cửa khẩu sân bay Tân Sơn Nhất vào ngày 22/11/2017; Xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay Tân Sơn Nhất ngày 19/12/2017.

[3.3] Căn cứ công văn số 632/QLXNC – P5 ngày 16/3/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an trả lời xác minh thông tin xuất nhập cảnh của bà Th như sau: Bà Th, nữ, sinh ngày 04/8/1987, thường trú tại số 52/7 Đường Đ2, Phường P2, quận Q1 Thành phố Hồ Chí Minh được cấp hộ chiếu số B4792688 ngày 21/11/2010. Đương sự đã xuất cảnh 01 lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 19/12/2017, chưa có thông tin nhập cảnh (gửi kèm thông tin chi tiết xuất nhập cảnh), nội dung thể hiện: Bà Th xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay Tân Sơn Nhất vào ngày 22/08/2016; Nhập cảnh qua cửa khẩu sân bay Tân Sơn Nhất vào ngày 22/11/2017; Xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay Tân Sơn Nhất ngày 19/12/2017.

[3.4] Tại phiên tòa hôm nay, ông V cung cấp cho Tòa án 09 tấm hình đám cưới, ông V cho rằng cô dâu là bà Th trong các tấm hình đám cưới ở nước ngoài. Ông Th, bà R là cha mẹ của bà Th thừa nhận cô dâu là bà Th trong các tấm hình đám cưới ở nước ngoài. Căn cứ các tấm hình nêu trên, thể hiện hình được đưa lên mạng xã hội vào các ngày 26/11/2018; 26/12/2018; 29/12/2018.

[3.5] Tại phiên tòa hôm nay, ông Th, bà R là cha mẹ của bà Th không đồng ý yêu cầu của ông V về việc tuyên bố bà Th mất tích, cho rằng con của ông bà không mất tích, hiện đang đi du học ở Canada và vẫn thường xuyên liên lạc với ông bà qua điện thoại. Tuy nhiên, Tòa án yêu cầu ông Th, bà R cung cấp địa chỉ cư trú, tin tức của bà Th ở nước ngoài nhưng ông bà từ chối, không cung cấp.

[4] Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Khi một người biệt tích 02 năm liền trở lên, mặc dù đã áp dụng các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc người đó còn sống hay đã chết thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án có thể tuyên bố người đó mất tích.

[5] Đối chiếu quy định pháp luật, căn cứ lời trình bày của đương sự và tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập được như đã nêu trên, xét thấy vẫn có tin tức xác thực về việc bà Th còn sống và học tập tại Canada, bà Th không thuộc trường hợp người biệt tích 02 năm liền trở lên nhưng không có tin tức xác thực về việc người đó còn sống hay đã chết. Việc ông V yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Th mất tích, mục đích để ông làm thủ tục ly hôn với bà Th không có cơ sở chấp nhận. Ông V có quyền khởi kiện vụ án ly hôn bà Th tại Tòa án nơi bà Th cư trú cuối cùng ở Việt Nam.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc tuyên bố bà Th mất tích là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V; Giữ nguyên Quyết định giải quyết việc dân sự số 442/2019/QĐST DS ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Q1 là đúng quy định pháp luật .

Hội đồng phúc thẩm xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông V, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm: ông V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 38, Điều 147, 148, Điều 314 và Điều 374 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 442/2019/QĐST-DS ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông V về việc yêu cầu tuyên bố bà Th, sinh năm 1987, địa chỉ cư trú số 52/7 đường Đường Đ2 (số mới 198/39 đường Đ3), Phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh, mất tích.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự:

2.1. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông V phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do ông V đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0000487, ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Q1. Ông V đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

2.2. Lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông V phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do ông V đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0001891, ngày 22/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Q1. Ông V đã nộp đủ lệ phí phúc thẩm.

3. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định.

HỘI Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Q1;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Q1;
- Đương sự;
- Lưu (T18).

**TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN HỢP PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Nguyễn Thị Thanh Mai

